

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trung Tấn

2. Ông Trần Thạch Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa:**
Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21-02-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Nga H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 02, Tổ 12, đường số 17, ấp KH, xã CK, Huyện DMC, TN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hiếu P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 02, Tổ 12, đường số 17, ấp KH, xã CK, Huyện DMC, TN.

Chị H và anh P đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-10-2024, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đặng Thị Nga H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hiếu P chung sống với nhau từ năm 2015, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh P có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CK, Huyện DMC, tỉnh TN năm 2015.

Trong quá trình chung sống anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02-2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị phát hiện anh P nợ nần hơn 100.000.000 đồng, chị có hỏi nợ gì nhưng anh P không nói. Đến nay số nợ này anh P đã tự mình trả xong. Các chi phí sinh hoạt trong gia đình do chị lo, anh P có phụ chi tiền hàng tháng. Vợ chồng chị tuy sống chung nhà nhưng mạnh ai làm nấy sống, không ai quan tâm ai và không còn sống chung như vợ chồng cách đây khoảng 03 năm.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có nợ ai nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hiếu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh P thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh P;

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về án phí: Chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Nga H có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Hiếu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Đặng Thị Nga H và anh Nguyễn Hiếu P là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ chuyện tiền bạc, theo chị H thì nguyên nhân là do anh P nợ hơn 100.000.000 đồng, chị có hỏi nhưng anh P không nói mục đích mượn nợ để làm gì. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do chị lo nhưng anh P có phụ tiền hàng tháng. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 và hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn. Còn anh P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và

cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh P cũng không có thiện chí hàn gắn nên mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*: Chị H khai anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Nga H đối với anh Nguyễn Hiếu P. Chị Đặng Thị Nga H được ly hôn với anh Nguyễn Hiếu P.

2. Về con chung: Chị H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008067 ngày 01-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện DMC. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Ủy ban nhân dân xã CK;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung